

Bài 34. SỰ PHÁT SINH LOÀI NGƯỜI

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH LOÀI NGƯỜI HIỆN ĐẠI.

1. Bằng chứng về nguồn gốc động vật của loài người.

- Bằng chứng giải phẫu so sánh: Bộ xương chia 3 phần (đầu, mình, chi).
- Bằng chứng phôi sinh học so sánh: Sự phát triển phôi người tái hiện nhiều đặc điểm động vật (có mang ở cổ, có đuôi ...).
- Bằng chứng tế bào học và sinh học phân tử: ADN người giống ADN tinh tinh tới 98%.
- Hiện tượng lại tổ, cơ quan thoái hóa ...

→ **Kết luận:** Người có nguồn gốc từ động vật.

2. Các dạng vượn người hóa thạch và quá trình hình thành loài người.

- Loài xuất hiện sớm nhất trong chi Homo là *H.habilis* (người khéo léo), sau đó tiến hóa thành nhiều loài khác trong đó có *H.erectus* (người đứng thẳng), từ *H.erectus* hình thành nên loài người hiện nay *H.sapiens* (người thông minh).
- Trong chi Homo đã phát hiện hóa thạch 8 loài khác nhau, chỉ có duy nhất loài người hiện nay còn tồn tại.
- Loài người hiện đại sinh ra ở châu Phi rồi phát tán sang các châu lục khác.

II. NGƯỜI HIỆN ĐẠI VÀ SỰ TIẾN HÓA VĂN HÓA.

- Những đặc điểm thích nghi giúp con người có khả năng tiến hóa văn hóa: Dáng đi thẳng, bộ não phát triển, cấu trúc thanh quản phát triển cho phép phát triển tiếng nói, bàn tay có các ngón tay linh hoạt giúp chế tạo và sử dụng công cụ...
- Kết quả của quá trình tiến hóa văn hóa: Con người biết sử dụng lửa để nấu chín thức ăn cũng như xua đuổi vật dữ, tự chế tạo ra quần áo, lều trú ẩn, biết trồng trọt và thuần dưỡng vật nuôi, phát triển nghề nông, làng mạc và đô thị xuất hiện....
- Như vậy, nhờ có tiến hóa văn hóa mà con người trở thành loài thống trị trong tự nhiên, làm chủ khoa học kỹ thuật, có ảnh hưởng đến nhiều loài khác và có khả năng điều chỉnh hướng tiến hóa của chính mình.

Câu 1. Khi nói về sự phát sinh loài người, điều nào sau đây **không** đúng?

A. Loài người xuất hiện vào đầu kỉ đệ tứ ở đại tân sinh.

B. Vượn người ngày nay là tổ tiên của loài người.

C. Chọn lọc tự nhiên đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn tiến hóa từ vượn người thành người.

D. Có sự tiến hóa văn hóa trong xã hội loài người.

Câu 2 Hóa thạch cổ nhất của người *H.sapiens* được phát hiện ở đâu?

A. Châu Phi

B. Châu Á

C. Đông nam châu Á

D. Châu Mỹ

Câu 3. Dạng vượn người nào sau đây có quan hệ họ hàng gần gũi với người nhất?

A. tinh tinh

B. đười ươi

C. gôrlia

D. vượn

Câu 4. Loài cổ nhất và hiện đại nhất trong chi *Homo* là:

A. *Homo erectus* và *Homo sapiens*

B. *Homo habilis* và *Homo erectus*

C. *Homo neandertal* và *Homo sapiens*

D. *Homo habilis* và *Homo sapiens*

Câu 5. Nội dung chủ yếu của thuyết “ra đi từ Châu Phi” cho rằng

A. người *H. sapiens* hình thành từ loài người *H. erectus* ở châu Phi.

B. người *H. sapiens* hình thành từ loài người *H. erectus* ở các châu lục khác nhau.

C. người *H. erectus* từ châu phi di cư sang các châu lục khác sau đó tiến hóa thành *H. sapiens*.

D. người *H. erectus* được hình thành từ loài người *H. habilis*.

Câu 6. Điểm khác nhau cơ bản trong cấu tạo của vượn người với người là

A. cấu tạo tay và chân.

B. cấu tạo của bộ răng.

C. cấu tạo và kích thước của bộ não.

D. cấu tạo của bộ xương.

Câu 7. Dạng vượn người hóa thạch cổ nhất là:

A. Đriôpítéc

B. Ôxtralôpítéc

C. Pitêcantrôp

D. Nêanđectan

Câu 8. Người đứng thẳng đầu tiên là:

A. Ôxtralôpítéc

B. Nêanđectan

C. *Homo erectus*

D. *Homo habilis*

Câu 9. Tiếng nói bắt đầu xuất hiện từ người:

A. *Homo erectus*

B. Xinantrôp

C. Nêanđectan

D. Crômanhôn

Câu 10. Dạng người biết chế tạo công cụ lao động đầu tiên là:

A. *Homo erectus*

B. *Homo habilis*

C. Nêanđectan

D. Crômanhôn

Bài 35. MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC NHÂN TỐ SINH THÁI

I. MÔI TRƯỜNG SỐNG VÀ CÁC NHÂN TỐ SINH THÁI.

1. Môi trường sống:

- Môi trường sống là tất cả các nhân tố bao quanh sinh vật, có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới sinh vật, làm ảnh hưởng đến sự tồn tại, sinh trưởng, phát triển và những hoạt động khác của sinh vật.

- Các loại môi trường sống: Môi trường trên cạn, môi trường nước và môi trường sinh vật.

2. Nhân tố sinh thái:

- Nhân tố sinh thái là tất cả những nhân tố trong môi trường sống tác động đến sinh vật.

- Các loại nhân tố sinh thái: Nhân tố vô sinh và nhân tố hữu sinh

II. GIỚI HẠN SINH THÁI VÀ Ồ SINH THÁI.

1. Giới hạn sinh thái.

- Giới hạn sinh thái là khoảng giá trị xác định của một nhân tố sinh thái mà trong khoảng đó sinh vật có thể tồn tại và phát triển ổn định theo thời gian.

- Trong giới hạn sinh thái có:

+ Khoảng thuận lợi là khoảng của nhân tố sinh thái ở mức độ phù hợp, đảm bảo cho sinh vật thực hiện các chức năng sống tốt nhất.

+ Khoảng chống chịu là khoảng các nhân tố sinh thái gây ức chế cho hoạt động sinh lí của sinh vật.

2. Ồ sinh thái:

- Ồ sinh thái là không gian sinh thái mà ở đó những điều kiện môi trường qui định sự tồn tại và phát triển không hạn định của cá thể, của loài.

- VD: SGK.

III. SỰ THÍCH NGHI CỦA SINH VẬT VỚI MÔI TRƯỜNG SỐNG.

1. Sự thích nghi của sinh vật với ánh sáng.

- Sự thích nghi của sinh vật với ánh sáng thể hiện qua các đặc điểm về hình thái, cấu tạo giải phẫu và hoạt động sinh lí.
- Thực vật được chia thành: Nhóm cây ưa sáng và nhóm cây ưa bóng.
- Động vật chia thành: Nhóm động vật ưa hoạt động ban ngày và nhóm động vật ưa hoạt động ban đêm.

2. Thích nghi của sinh vật với nhiệt độ.

- Quy tắc về kích thước cơ thể.(qui tắc Becman)
- Quy tắc về kích thước các bộ phận tai, đuôi, chi... của cơ thể(quy tắc Anlen)

Bài 36. QUẦN THỂ SINH VẬT VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC CÁ THỂ TRONG QUẦN THỂ

I. QUẦN THỂ SINH VẬT VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH QUẦN THỂ.

* KN: Quần thể sinh vật là tập hợp các cá thể trong cùng một loài, cùng sinh sống trong một khoảng không gian xác định, vào một thời gian nhất định, có khả năng sinh sản và tạo thành những thế hệ mới.

* VD: Quần thể cây thông....

* Quá trình hình thành quần thể:

- Sự phát tán của một số cá thể cùng loài tới một môi trường sống mới.
- Dưới tác dụng của chọn lọc tự nhiên, các cá thể không thích nghi sẽ bị tiêu diệt hoặc phải di cư đi nơi khác. Các cá thể còn lại thích nghi dần với điều kiện sống.
- Giữa các cá thể cùng loài hình thành những mối quan hệ sinh thái và dần dần hình thành quần thể ổn định, thích nghi với điều kiện ngoại cảnh.

II. QUAN HỆ GIỮA CÁC CÁ THỂ TRONG QUẦN THỂ.

1. Quan hệ hỗ trợ.

* Ví dụ:

- Các cây thông nhựa liền rễ nhau -> Cây sinh trưởng nhanh và khả năng chịu hạn tốt hơn.
- Chó rừng hỗ trợ nhau trong đàn -> Bắt mồi và tự vệ tốt hơn.

* ý nghĩa: Quan hệ hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể đảm bảo cho quần thể tồn tại ổn định, khai thác tối ưu nguồn sống của môi trường, làm tăng khả năng sống sót và sinh sản của các cá thể.

2. Quan hệ cạnh tranh.

* Nguyên nhân: Do nơi sống của các cá thể trong quần thể chật chội và thiếu thức ăn....

* Các hình thức cạnh tranh:

- Cạnh tranh giành nguồn sống như nơi ở, ánh sáng, chất dinh dưỡng giữa các cá thể cùng một quần thể.
- Cạnh tranh giữa các con đực tranh giành con cái trong đàn hoặc ngược lại.

* Hiệu quả: Nhờ có cạnh tranh mà số lượng và sự phân bố của các cá thể trong quần thể duy trì ở mức độ phù hợp, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của quần thể.